TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Ái

2. Bà Lê Thị Thu Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2025 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Ngũ D**, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông Ngũ D quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1997, hai người có làm tờ khai đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/1997 tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nhưng chưa nộp lại UBND xã để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm sống dẫn đến bà và ông D đã sống ly thân khoảng 20 năm nay. Bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 con chung là anh Ngũ Hoàng T1, sinh ngày 25/8/1998, đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngũ D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 1996. Đến năm 2020, ông về nhà mẹ ruột của ông sinh sống, còn bà T chung sống với người đàn ông khác đến nay. Ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung là anh Ngũ Hoàng T1, sinh ngày 25/8/1998, hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung: Yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Ngũ D. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp "Ly hôn".

Xét ông Ngũ D có đơn xin vắng mặt do bận công việc là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: [2.1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thanh T trình bày là bà và ông Ngũ D chung sống với nhau vào năm 1996. Hai người có làm tờ khai đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/5/1997, nhưng chưa nộp lại UBND xã T để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nên hai người đã sống ly thân hơn 20 năm nay. Xét lời trình bày này của bà T cũng phù hợp với lời trình bày của ông Ngũ T2 tại bản tự khai mà ông T2 đã gửi cho Tòa án.

Xét thấy, theo nội dung công văn số 03/UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M và Công văn số 322/XN-UBND ngày 03/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M trả lời việc trích lục giấy chứng nhận kết hôn do bà T2 nộp cho Tòa án thể hiện: Qua kiểm tra sổ lưu kết hôn không thấy có tên bà Nguyễn Thanh T trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà T và ông D chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông D có một con chung là anh Ngũ Hoàng T1, sinh ngày 25/8/1998, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Ngũ D là vợ chồng.

- Về con chung: Có một con chung là anh Ngũ Hoàng T1, sinh ngày 25/8/1998, hiện đã trưởng thành.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005443 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như nộp xong.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. Mỹ Tho
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho
- Các đương sự
- Lưu HSAV